**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH) MÔN GDCD 7**

**NĂM HỌC : 2024– 2025**

**(Áp dụng cho bộ sách Cánh Diều)**

**Cả năm: 35 Tuần x 01 Tiết/Tuần = 35 Tiết.**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần = 18 tiết**

**Học kì 2: 17 tuần x 01 tiết/ tuần = 17 tiết**

**Học kì 1: 18 tuần x 01 tiết/ tuần =18 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên bài/Chủ đề | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| 1 | Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương. | 2  (Tiết 1,2) | - Nêu được một số truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.  - Thực hiện những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.  - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. |
| 2 | Bài 2: Bảo tồn di sản văn hóa. | 2  (Tiết 3,4) | – Nêu được khái niệm của di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa.  –Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đới với con người và xã hội.  – Nêu được qui định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đới với việc bảo vệ di sản văn hóa.  - Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.  - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.  - Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa. |
| 3 | Bài 3: quan tâm, thông cảm và chia sẻ. | 3  (Tiết 5,6,7) | - Nêu được những biểu hiện của của sự cảm thông và chia sẽ với người khác.  - Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.  - Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.  - Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác, phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. |
| 4 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1  (Tiết 8) |  |
| 5 | Bài 4: Học tập tự giác, tích cực | 2  (Tiết 9,10) | - Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác , tích cực.  - Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực.  - Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.  - Biết góp ý, nhắc nhở những người bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. |
| 6 | Bài 5. Giữ chữ tín | 2  (Tiết 11,12) | - Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.  - Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.  - Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Phê phán những người không biết giữ chữ tín. |
| 7 | Bài 6.Quản lí tiền | 3  (Tiết 13,14,15) | - Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.  - Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.  - Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân. |
| 8 | Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng | 1  (Tiết 16) | - Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.  - Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.  - Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.  - Nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng.  - Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. |
| 9 | Ôn tập cuối kì 1 | 1  (Tiết 17) |  |
| 10 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1  (Tiết 18) |  |
| 11 | Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng  (tt) | 1  (Tiết 19) | – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng .  Nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng.  –Năng lực chung học sinh có năng lực điều chỉnh hành vi phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích khi căng thẳng.  – Phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ thoải mái. |
| 12 | Bài 8. Bạo lực học đường | 2  (Tiết 20,21) | - Nêu được biểu hiện của bạo lực học đường.  - Nêu được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. |
| 13 | Bài 9:Ứng phó với bạo lực học đường | 2  (Tiết 22,23) | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.  - Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.  - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường, sống tự chủ, không để bị lôi kéo, tham gia bạo lực học đường. |
| 14 | Bài10 . Tệ nạn xã hội | 3  (Tiết 24,25,26) | - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội phổ biến.  - Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình, xã hội. |
| 15 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1  (Tiết 27) |  |
| 16 | Bài 11. Thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội | 3  (Tiết 28,29,30) | - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.  - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.  - Tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.  - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội, tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội. |
| 17 | Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | 3  (Tiết 31,32,33) | - Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.  - Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác.  - Thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể. |
| 18 | Ôn tập học kì 2 | 1  (Tiết 34) |  |
| 19 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1  (Tiết 35) |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH)**

**MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8**

**(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**Cả năm:** 35 tuần (35 tiết)

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

**Học kì II:** 17 tuần = 17 tiết

**Học kì I:** 18 tuần = 18 tiết

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chủ đề/bài học** | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | 3  (Tiết 1,2,3) | | **1) Về kiến thức**  - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về truyền thống dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến truyền thống dân tộc.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền thống dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam.  **3) Về phẩm chất**  - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc.  - Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. |
| **2** | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | 2  (Tiết 4,5) | | **1) Về kiến thức**  - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.  - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới. Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới;  + Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.  **3) Về phẩm chất**  + Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện kể cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.  + Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. |
| **3** | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo | 2  (Tiết 6,7) | | **1) Về kiến thức**  - Nêu được khái niệm cầu cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.  - Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động. |
| **4** | Kiểm tra giữa kì 1 | 1  (Tiết 8) | |  |
| **5** | Bài 4: Bảo vệ lẽ phải. | 2  (Tiết 9,10) | | **1) Về kiến thức**  - Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.  - Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lẽ phải.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lẽ phải.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lẽ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể.  **3) Về phẩm chất**  - Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người.  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống. |
| **6** | Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. | 3  (Tiết 11,12,13) | | **1) Về kiến thức**  - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  – Nếu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi.  - Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. |
| **7** | Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân. | 3  (Tiết 14,15,16) | | **1) Về kiến thức**  - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.  - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.  - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đỏ.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.  + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.  - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi  - Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. |
| **8** | Ôn tập cuối kỳ 1 | 1  (Tiết 17) | |  |
| **9** | Kiểm tra cuối kỳ 1 | 1  (Tiết 18) | |  |
| **Học kì II: 17 tuần = 17 tiết** | | | | |
| **10** | Bài 7: Phòng chống bạo lực gia đình | 4  (Tiết 19, 20 ,21,22) | **1) Về kiến thức**  - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến;  - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình;  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình  **3) Về phẩm chất**  Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ vũ, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình.  Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng. | |
| **11** | Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu | 3  (Tiết 23, 24,25 ) | **1) Về kiến thức**  - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.  - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu;  - Tự điều chỉnh, tạo được thói quen chi tiêu hợp lí.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch chi tiêu.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn để của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu.  + Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu.  **3) Về phẩm chất**  - Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu.  - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.. | |
| **12** | Kiểm tra giữa kỳ 2 | 1  (Tiết 26) |  | |
| **13** | Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. | 4  (Tiết 27,28,29,30) | **1) Về kiến thức**  - Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.  **3) Về phẩm chất**  - Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.  - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác | |
| **14** | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 3  (Tiết 31, 32, 33) | **1) Về kiến thức**  - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.  - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động  - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động của người lao động.  **2) Về năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.  + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thúc đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.  **3) Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đinh, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi  - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động. | |
| **15** | Ôn tập cuối kỳ 2 | 1  (Tiết 34) |  | |
| **16** | Kiểm tra cuối kỳ 2 | 1  (Tiết 35) |  | |